

Bản án số: 23/2021/DSST

Ngày 21 tháng 9 năm 2021

V/V: *"Tranh chấp liên quan đến*

yêu cầu tuyên văn bản công chứng vô hiệu"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Hào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Sỹ Minh
2. Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2020/TLST- DS ngày 29/12/2020 về *"Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa:

** Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1941

Địa chỉ: thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Th: Anh Thân Văn N, sinh năm 1975.

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ, theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/11/2020. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thân: Ông Giáp Quang Kh

- Luật sư, thuộc Công ty luật TNHH N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 90, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

** Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông Thân Ngọc H - Chủ tịch UBND xã Nội Hoàng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1970 - Công chức Văn phòng thống kê UBND xã N, theo giấy ủy quyền ngày 17/4/2021

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Tống Thị N, sinh năm 1964, (vắng mặt).
2. Anh Thân Văn B, sinh năm 1985, (vắng mặt).
3. Chị Thân Thị S, sinh năm 1988, (vắng mặt).
4. Anh Thân Hồng S, sinh năm 1991, (vắng mặt).
5. UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phòng Thị Ng - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y. Theo văn bản ủy quyền số 1752/UBND-NC ngày 01/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y, (vắng mặt).

+ Người làm chứng:

1. Ông Dương Văn H, sinh năm 1967
Địa chỉ: thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).
2. Ông Thân Văn M - Trưởng thôn S
Địa chỉ: thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị Th và đại diện theo ủy quyền của bà Th là anh Thân Văn N trình bày: Bà ở tại thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ khoảng năm 1959, đến nay, tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 6, diện tích 1025 m², địa chỉ thửa đất tại thôn X, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, bà ở cùng với vợ chồng anh Thân Văn L, cùng một nhà, sinh hoạt chung. Ngày 05/6/2019, anh L chết, chị N và các con của anh L cho rằng bà giết anh L, nên đuổi bà không cho bà ở cùng. Khoảng tháng 7/2019 (Âm lịch) bà không chung sống cùng với mẹ con chị N nữa, bà về ở cùng với con trai bà là anh Thân Văn Ch, tại thôn X, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến tháng 11/2019 (Âm lịch) bà vào miền nam ở cùng với con trai bà là anh Thân Văn N tại xã E, huyện F, tỉnh Đ. Khi ở cùng anh N, bà có nghe về việc chị N làm sổ đỏ, vì vậy tháng 7/2020 (Âm lịch), bà về quê và biết được có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 26/12/2019, bà đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án huyện Yên Dũng, hiện tại bà đang ở nhà con gái tôi là Thân Thị H tại thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày

26/12/2019, được UBND xã N chứng thực có điểm chỉ của bà là không đúng vì thời gian này bà đang sinh sống tại địa chỉ của anh N con trai bà ở tỉnh Đắk Lắk.

Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã Nội Hoàng được lập bởi các ông bà Tổng Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội. Bà chưa khi nào đến UBND xã N để làm thủ tục thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của con trai bà là anh L, từ khi anh L chết đến nay.

Tài liệu bà nộp cho Tòa án là bà được UBND xã N cung cấp cho, vì vậy bà không có bản gốc nộp cho Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án bà đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ giúp bà.

Tại phiên tòa anh Thân Văn N là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Th trình bày: Bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngày ghi trên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 26/12/2019, thời điểm này bà Th đang sinh sống cùng với vợ chồng tôi tại Đắk Lắk. Trường hợp văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 26/12/2019, bà Th không yêu cầu giải quyết hậu quả cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại.

+ *Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn UBND xã N, người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Văn Đtrình bày:* Ông được Chủ tịch UBND xã N, ủy quyền tham gia tố tụng để giải quyết việc bà Trần Thị Th khởi kiện đối với UBND xã N, theo giấy ủy quyền ngày 17/4/2021. UBND xã N không tiếp nhận hồ sơ công chứng của gia đình bà Thân về phân chia di sản thừa kế, theo hồ sơ lưu trữ thì không có giấy tờ gì thể hiện có việc các thành viên gia đình bà Th có đơn yêu cầu UBND xã công chứng đối với Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 26/12/2019. Theo như phân công nhiệm vụ của UBND xã N, việc tiếp nhận đơn yêu cầu công chứng chứng thực là do cán bộ Tư pháp của xã tiếp nhận.

Đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 26/12/2019 lập bởi các ông bà Tổng Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th, ông có ý kiến như sau: Gia đình bà Th không đến trụ sở UBND xã N để ký văn bản thỏa thuận trên, mà do anh Dương Văn H, địa chỉ thôn X, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có mua của bà Tổng Thị N một phần diện tích đất, vì vậy anh H đã làm sẵn Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa trên, có chữ ký của các thành viên trong gia đình bà Th, sau đó Chủ tịch UBND xã N ký xác nhận để anh H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nộp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Yên Dũng.

Mặc dù văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 26/12/2019 lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th chưa đúng, nhưng UBND xã khẳng định bà Thân là người điểm chỉ vào văn bản thỏa thuận trên, thời điểm lập văn bản thỏa thuận trên bà Th có mặt tại địa phương.

Thời điểm trước năm 2020, bà Th có đơn tranh chấp liên quan đến thửa đất đã cấp cho anh L, chị N là con trai và con dâu của bà Th, thửa đất này sau đó, chị N có chuyển nhượng cho anh Dương Văn H một phần. Vì đất đang có tranh chấp như vậy, khoảng thời gian tháng 1/2020, bà Thân đang ở Đắc Lắc cùng với con trai bà Th là anh N, ông có gửi mẫu giấy ủy quyền để bà Th rút đơn đề nghị tại UBND xã N, sau đó chị Nh là vợ anh N có gửi giấy ủy quyền của bà Thra cho ông.

Bà Th khởi kiện yêu cầu tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N là vô hiệu. UBND xã N không nhất trí vì việc bà Th là người điểm chỉ trực tiếp vào văn bản thỏa thuận trên. Anh Dương Văn H là người quay lại toàn bộ việc bà Th điểm chỉ vào văn bản trên. Mặc dù trình tự tiếp nhận hồ sơ công chứng của UBND xã là không đúng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Mặc dù thủ tục công chứng UBND xã N thực hiện không đúng quy định của pháp luật, nhưng việc công chứng là có thật, UBND xã N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ **Tại biên bản lấy lời khai bà Tống Thị N trình bày:** Đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 26/12/2019, bà không được biết, nay bà Th khởi kiện tuyên văn bản trên là vô hiệu, bà không biết, bà không có quan điểm gì. Chị Thân Thị S, lấy chồng ở Hòa Bình, từ năm 2017, chị S đã tách khẩu, hiện nay sổ hộ khẩu của gia đình bà có bà (N), vợ chồng anh B và các con của anh B, địa chỉ cụ thể của chị S bà không biết.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng do bà Phòng Thị Ng - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường đại diện theo ủy quyền trình bày:** Bà là người được Chủ tịch huyện Yên Dũng ủy quyền tham gia tố tụng vụ án tại Công văn số 1752/UBND-NC ngày 01/7/2021 để tham gia tố tụng trong vụ án: “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”, giữa bà Trần Thị Th, sinh năm 1941 và UBND xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đối với yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Th khởi kiện UBND xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N được lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th là vô hiệu, do vi phạm điều cấm của pháp luật, UBND huyện Yên Dũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng có quan điểm đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thân Văn L và bà Tống Thị N ngày 12/02/2015 đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 06, diện tích 1025 m² (đất ở 360m², đất trồng cây lâu năm 353,7m², đất nuôi trồng thủy sản 311,3m²), số phát hành giấy chứng nhận BX500533, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00567/62/QĐ-UBND được cấp theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Điều 20, 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 củ Chính Phủ.

Văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông Thân Văn L được chủ tịch UBND xã N trong trường hợp thực hiện không đúng quy định thuộc trách nhiệm của người chứng thực. Vì vậy, trường hợp có căn cứ tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N được lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th là vô hiệu, do vi phạm điều cấm của pháp luật. UBND huyện Yên Dũng không có yêu cầu hay đề nghị gì đối với việc UBND huyện Yên Dũng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 06, diện tích 1025 m², địa chỉ thửa đất tại thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người làm chứng là ông Thân Văn H trình bày:** Ngày 25 tháng 10 năm 2019, ông có mua hộ anh Dương Ngô C, địa chỉ cụ thể ông không nhớ, diện tích đất 110 m² của bà Tống Thị N, sau bốn tháng không làm được thủ tục sang tên, anh C không mua đất nữa. Vì tiền đặt cọc ông đưa cho bà N rồi, vì vậy ông phải lấy lại mảnh đất của anh C đã đặt cọc cho bà N.

Mọi thủ tục chuyển nhượng giữa ông và bà Tống Thị N ông có nhờ anh Đ là cán bộ xã N làm mọi thủ tục hộ ông. Biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th đều do ông Đ làm giúp ông, ông không làm một thủ tục gì.

Thời điểm ông mua đất của bà Tống Thị N, giữa bà N và bà Th, anh N đang có mâu thuẫn với nhau, bà Thân có đơn khiếu nại gửi UBND xã N về việc tranh chấp đối với diện tích là cái ao đối với bà N.

Ông gửi cho Tòa án một số hình ảnh bà Thân điểm chỉ tại nhà ông Thân Văn M trưởng thôn S, thời điểm bà Th điểm chỉ là ngày 25/12/2019 những văn bản bà Th điểm chỉ gồm biên bản họp gia đình, giấy ủy quyền. Những văn bản bà Th điểm chỉ để ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất đã mua của bà Tống Thị N. Thời điểm bà Th điểm chỉ có ông (H), ông M (Trưởng thôn), bà Th, anh N (con trai bà Th).

Giữa ông và bà Tống Thị N có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 110 m² đất, hợp đồng được UBND xã N chứng thực ngày 31/3/2020. Hiện nay diện tích đất này ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông đã chuyển nhượng cho anh L ở Việt Yên, tên tuổi địa chỉ ông không rõ.

Nay ông xác định mọi thủ tục giấy tờ để nhận chuyển nhượng diện tích đất 110 m² của bà Tống Thị N là do ông điều nhờ anh Đ làm các thủ tục giúp.

(Ông gửi cho Tòa án bản photocopy biên bản họp gia đình ngày 24/12/2019 của bà Trần Thị Th, anh bà Th điểm chỉ vào giấy ủy quyền, mặt sau giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tại phiên tòa ông H trình bày: Ông Đ trình bày văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 là do ông soạn sẵn đem đến để Chủ tịch UBND xã N ký là không đúng, ông có đi xin chữ ký của bà N, anh S, anh B, chị S vào văn bản, bà Th có điểm chỉ tại nhà ông M trưởng thôn S, văn bản bà Th điểm chỉ là văn bản tách thửa không phải văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

+ ***Quá trình giải quyết vụ án bà Th có đơn yêu cầu giám định*** dấu vân tay điểm chỉ tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do UBND xã N chứng thực ngày 26/12/2019 được lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th của bà Trần Thị Th

+ Tại kết luận giám định số 939/KL-KTHS ngày 04/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang như sau: “1/ Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận giám định 03 (ba) dấu vân màu đỏ in tại các trang 01, 02 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) do dấu vân mờ nhòe, không đủ yếu tố tiến hành giám định; 2/ Phòng kỹ thuật hình sự không sử dụng các dấu in trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M3, M5) làm mẫu so sánh do dấu vân mờ nhòe, không đủ yếu tố tiến hành giám định. 3/ Dấu vân màu đỏ in tại mục “ Trỏ phải bà Th” ở trang 03 tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân in trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M2, M4, M6, M7, M8) là không phải của cùng một người”.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản giấy tờ tố tụng khác cho bà N, anh B, chị S, anh S theo quy định pháp luật nhưng bà N, anh B, chị S, anh S không đến Tòa án để trình bày quan điểm, bản tự khai và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

- Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

- Ngày 19/7/2021, Tòa án mở phiên tòa nhưng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa.

- Ngày 29/7/2021, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa.

- Ngày 09/9/2021, Tòa án mở phiên tòa nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn vì lý do khách quan không thể có mặt tại phiên tòa được, có đơn xin hoãn phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th trình bày: Việc UBND xã N công chứng vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 là không đúng trình tự do luật công chứng quy định, dấu vân tay tại văn bản trên là không phải của bà Th. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, tuyên văn bản văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, bà Th không yêu cầu giải quyết hậu quả và bồi thường thiệt hại.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu:***

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th và xử: Tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N được lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th là vô hiệu; Về án phí: UBND xã N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật; Về chi phí tố tụng: UBND xã N phải chịu chi phí giám định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tống Thị N, anh Thân Văn B, chị Thân Thị S, anh Thân Hồng S, bà Phòng Thị Ng đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Yên Dũng và ông Thân Văn M vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt đối với các đương sự và người làm chứng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật thì thấy: Cụ Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N được lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th là vô hiệu, do vi phạm điều cấm của pháp luật. Quan hệ tranh chấp giữa cụ Trần Thị Th và UBND xã N, huyện Yên Dũng là quan hệ dân sự, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Đây là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, theo quy định tại khoản 11 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cụ Trần Thị Th yêu cầu tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N được lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th là vô hiệu, do vi phạm điều cấm của pháp luật vì UBND xã N công chứng văn bản thỏa thuận trên không đúng theo trình tự thủ tục do Luật công chứng quy định thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự thể hiện ông Thân Văn L, bà Tống Thị N được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/02/2015 đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 6, diện tích 1025 m², địa chỉ thửa đất thôn X, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Ngày 07/7/2019, ông Thân Văn L là con trai cụ Trần Thị Th chết, ngày 26/12/2009, bà Tống Thị N là vợ ông Trần Văn L, anh Thân Văn B, chị Thân Thị S, anh Thân Hồng S là các con của ông L cùng với cụ Trần Thị Th là mẹ đẻ của ông L lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, tại UBND xã N. Nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thể hiện cụ Trần Thị Th, anh Thân Văn B, chị Thân Thị S, anh Thân Hồng S tặng cho toàn bộ phần di sản được hưởng của ông L cho bà Tống Thị N, di sản của ông L là một phần diện tích đất 1025 m², thửa đất số 5, tờ bản đồ số 6, địa chỉ thửa đất thôn S, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Theo các tài liệu thu thập được cũng như trình bày của các đương sự, cụ Th, bà N cũng như các con của ông L không ai có đơn yêu cầu công chứng, UBND xã N không có hồ sơ công chứng đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế

được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N. Tại Điều 40 Luật công chứng năm 2014, quy định về công chứng hợp đồng, giao dịch đã được soạn thảo sẵn như sau: “1/ Hồ sơ công chứng được lập thành một bộ, gồm các giấy tờ sau: a, Phiếu yêu cầu công chứng, trong đó có thông tin về họ tên, địa chỉ người yêu cầu công chứng, nội dung cần công chứng, danh mục giấy tờ gửi kèm theo; tên tổ chức hành nghề công chứng, họ tên người tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, thời điểm tiếp nhận hồ sơ; b) Dự thảo hợp đồng, giao dịch; c) Bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng; d) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; đ) Bản sao giấy tờ khác có liên quan đến hợp đồng, giao dịch mà pháp luật quy định phải có.”. Ngoài ra tại khoản 2 Điều 57 quy định về Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản như sau: “Trường hợp di sản là quyền sử dụng đất hoặc tài sản pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì trong hồ sơ yêu cầu công chứng phải có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản của người để lại di sản đó. Trường hợp thừa kế theo pháp luật, thì trong hồ sơ yêu cầu công chứng phải có giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế. Trường hợp thừa kế theo di chúc, trong hồ sơ yêu cầu công chứng phải có bản sao di chúc.”

Tại Điều 18 Nghị định số 29/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật công chứng quy định niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản như sau: “1/Việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản phải được niêm yết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết. Việc niêm yết do tổ chức hành nghề công chứng thực hiện tại trụ sở của Ủy ban nhân cấp xã nơi thường trú cuối cùng của người để lại di sản; trường hợp không xác định được nơi thường trú cuối cùng thì niêm yết tại nơi tạm trú có thời hạn cuối cùng của người đó. Trường hợp di sản gồm cả bất động sản và động sản hoặc di sản chỉ gồm có bất động sản thì việc niêm yết được thực hiện theo quy định tại Khoản này và tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có bất động sản. Trường hợp di sản chỉ gồm có động sản, nếu trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng và nơi thường trú hoặc tạm trú có thời hạn cuối cùng của người để lại di sản không ở cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tổ chức hành nghề công chứng có thể đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc tạm trú có thời hạn cuối cùng của người để lại di sản thực hiện việc niêm yết. 2/ Nội dung niêm yết phải nêu rõ họ, tên của

người để lại di sản; họ, tên của những người thỏa thuận phân chia hoặc khai nhận di sản thừa kế; quan hệ của những người thỏa thuận phân chia hoặc khai nhận di sản thừa kế với người để lại di sản thừa kế; danh mục di sản thừa kế. Bản niêm yết phải ghi rõ nếu có khiếu nại, tố cáo về việc bỏ sót, giấu giếm người được hưởng di sản thừa kế; bỏ sót người thừa kế; di sản thừa kế không thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người để lại di sản thì khiếu nại, tố cáo đó được gửi cho tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc niêm yết.”.

Ngoài ra, theo như cụ thể trình bày chưa bao giờ cụ thể chỉ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tại kết luận giám định số 939/KL-KTHS ngày 04/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “...Dấu vân màu đỏ in tại mục “ Trỏ phải bà Thân” ở trang 03 tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân in trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M2, M4, M6, M7, M8) là không phải của cùng một người”. Tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự quy định các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự như sau: “...2/Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”.

Từ những phân tích trên, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N được lập bởi các ông bà Tổng Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th không tuân thủ các quy định của pháp luật về công chứng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của cụ Th là phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 123 Bộ luật dân sự.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của cụ Th được chấp nhận, do vậy UBND xã N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về chi phí tố tụng: Yêu cầu của cụ Th là có căn cứ, do vậy UBND xã Nội Hoàng phải chịu chi phí giám định là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 161, 162, 227, 228, 229, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 40, khoản 2 Điều 57 Luật công chứng năm 2014. Điều 116, 117, 123 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng thực ngày 26/12/2019 tại UBND xã N được lập bởi các ông bà Tống Thị N, Thân Văn B, Thân Thị S, Thân Hồng S và Trần Thị Th là vô hiệu.

2.3. Về án phí: UBND xã N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST

2.4. Về chi phí tố tụng: UBND xã N phải chịu 4.050.000 đồng chi phí giám định. Cụ Trần Thị Th được nhận lại số tiền 4.050.000 đồng chi phí giám định khi UBND xã N nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp

4. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng
- CCTHADS huyện Yên Dũng
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thanh Hảo